

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Kỹ thuật điện lạnh (Chuyên ngành Điện công nghiệp) (228229) -

Môn học: **Nhóm 03**

CBGD: **Đỗ Quang Huy (280022)**

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Vũ Đình Nhường</i>	<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Vũ Đình Nhường</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050048	LÊ VĂN LỢI	01/07/2002	CCQ2005B			<i>Lợi</i>	6,0	8,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050049	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	09/09/2002	CCQ2005B			<i>Nguyễn Trung Nguyễn</i>	8,0	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050050	BÙI VŨ BÁCH	20/02/2002	CCQ2005B			<i>Bách</i>	9,0	7,5	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050051	ĐÌNH VĂN NHÂN	26/06/2002	CCQ2005B			<i>Nhân</i>	5,5	7,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050052	SƠN NHI	22/11/2002	CCQ2005B			<i>Sơn Nhi</i>	8,5	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050053	NGUYỄN XUÂN PHÚ	06/09/2001	CCQ2005B			<i>Phú</i>	7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050054	TRƯƠNG BÌNH PHƯỚC	18/05/2001	CCQ2005B			<i>Phước</i>	5,5	7,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050056	TRẦN BÁ QUỐC	26/09/2002	CCQ2005B			<i>Quốc</i>	7,0	6,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050058	VŨ ĐỨC TÀI	15/10/2001	CCQ2005B			<i>Tài</i>	7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050059	BÁ HOÀNG TÂN	29/09/2001	CCQ2005B			<i>Tân</i>	7,5	8,0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050060	HUỖNH HỮU THÁI	02/06/2002	CCQ2005B			<i>Thái</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050061	NGUYỄN MINH TI	25/07/2001	CCQ2005B			<i>TI</i>	6,5	6,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050062	PHAN TRỌNG TÍNH	22/05/2002	CCQ2005B			<i>Tính</i>	6,0	8,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050063	TÔ VĂN TÍNH	27/06/2002	CCQ2005B			<i>Tính</i>	5,5	8,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050065	HUỖNH MINH TRÍ	08/12/2002	CCQ2005B			<i>Trí</i>	6,5	7,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050067	TRẦN MINH TÚ	10/08/2002	CCQ2005B			<i>Tú</i>	7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050066	NGUYỄN NGỌC THANH TÙNG	17/03/2002	CCQ2005B			<i>Tùng</i>	9,0	8,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050068	THIÊN NGỌC VÂN	02/12/2002	CCQ2005B			<i>Vân</i>	4,5	5,5	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050069	NGUYỄN CHÍ VIỄN	01/11/2002	CCQ2005B			<i>Viễn</i>	6,0	7,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Kỹ thuật điện lạnh (Chuyên ngành Điện công nghiệp) (228229) -

Môn học: **Nhóm 02**

CBGD: **Đỗ Quang Huy (280022)**

Số SV có mặt: 19.....

Số bài thi: 19.....

Số tờ giấy thi: 19.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Vũ Đình Nhung</i>	<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Vũ Đình Nhung</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	DÂN	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Từ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050036	THÁI XUÂN	DÂN	16/12/2002	CCQ2005B			<i>Pâm</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050038	DƯƠNG THÀNH	ĐẠT	25/03/2002	CCQ2005B			<i>Đạt</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050039	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	15/10/2002	CCQ2005B			<i>Đạt</i>	7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050040	NGUYỄN ANH	ĐƯỢC	22/12/2002	CCQ2005B			<i>Được</i>	8,5	8,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050041	NGUYỄN ĐÌNH	HOÀNG	05/02/2002	CCQ2005B			<i>Hoàng</i>	8,0	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050044	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	10/02/2002	CCQ2005B			<i>Hùng</i>	4,0	4,0	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050042	LÊ TRẦN QUANG	HUY	05/11/2002	CCQ2005B			<i>Huy</i>	8,0	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050130	ĐÀO TRẦN NGỌC	LÂM	20/11/2001	CCQ2005B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050047	HUỖNH PHÚ	LÂM	01/03/2002	CCQ2005B			<i>Phú</i>	6,5	7,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2118050045	HỒNG CHÂU	THANH	09/03/2000	CCQ1805A			<i>Thanh</i>	8,5	7,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050128	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	11/04/2000	CCQ2005A			<i>Hoàng</i>	5,5	6,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050025	VÕ TẤN	TÀI	23/12/2002	CCQ2005A			<i>Tài</i>	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050027	BÙI VĂN DUY	TÂN	08/12/2002	CCQ2005A			<i>Duy</i>	7,5	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050029	NGUYỄN THIÊN	THÀNH	26/07/2000	CCQ2005A			<i>Thiên</i>	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050028	NGUYỄN THẾ	TÂN	24/09/2001	CCQ2005A			<i>Thế</i>	5,5	7,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050030	LÊ VĂN	THỊNH	15/06/2000	CCQ2005A			<i>Thịnh</i>	8,5	7,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050031	TRẦN DIỆP	THUẬN	17/02/2002	CCQ2005A			<i>Diệp</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050032	LÊ THANH	TUẤN	03/07/2002	CCQ2005A			<i>Thanh</i>	7,5	8,0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050033	NGUYỄN LÊ HOÀI	VŨ	06/07/2002	CCQ2005A			<i>Hoài</i>	7,0	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050034	CAO VĂN TUẤN	VŨ	16/12/2001	CCQ2005A			<i>Tuấn</i>	9,0	8,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Kỹ thuật điện lạnh (Chuyên ngành Điện công nghiệp) (228229) -

Môn học: **Nhóm 01**

CBGD: **Đỗ Quang Huy (280022)**

Số SV có mặt: ...19.....

Số bài thi: ...19.....

Số tờ giấy thi: ...19.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Vũ Đình Nhường</i>	<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Vũ Đình Nhường</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050002	ĐINH THÀNH (có thi) ĐANH	14/09/2002	CCQ2005A			<i>Đanh</i>	5,0	6,0	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050004	HỒ HOÀNG <i>ĐẶNG</i>	13/12/2002	CCQ2005A			<i>Đặng</i>	8,5	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050005	BÙI TRỌNG HIỂN	02/06/2002	CCQ2005A			<i>Hiển</i>	8,5	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2117050094	PHAN THẠCH ĐÌNH	12/04/1999	CCQ1705B			<i>Phan</i>	7,5	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050006	VÕ THANH HOÀNG	24/08/2002	CCQ2005A			<i>HOÀNG</i>	8,5	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050007	TRẦN MẬU HÒA	01/09/2002	CCQ2005A			<i>Hạ</i>	8,5	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050010	TRẦN TUẤN KHẢI	03/02/2002	CCQ2005A			<i>Khải</i>	8,5	8,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050009	NGUYỄN PHI HÙNG	24/06/2002	CCQ2005A			<i>Phu</i>	6,0	8,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050011	ĐỖ TẤN LÂM	11/09/2002	CCQ2005A			<i>Đỗ</i>	8,5	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050012	HỒ NHỰT NAM	17/12/2002	CCQ2005A			<i>Nam</i>	5,0	6,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050013	NGUYỄN VŨ NGUYỄN	08/03/2002	CCQ2005A			<i>Nam</i>	8,5	8,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050014	NGUYỄN DUY NHẤT	05/12/2002	CCQ2005A			<i>Nhất</i>	7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050016	TRẦN DUY PHONG	16/04/2002	CCQ2005A			<i>Phong</i>	8,5	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050018	NGUYỄN HỒNG PHÚC	10/01/2002	CCQ2005A			<i>Phúc</i>	8,5	8,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050019	TRƯƠNG CHÍ THANH QUAN	13/08/2001	CCQ2005A			<i>Quan</i>	5,0	6,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050020	TRẦN NGỌC QUÝ	08/06/2002	CCQ2005A			<i>Quý</i>	9,0	8,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050021	PHẠM SÁNG	28/02/1998	CCQ2005A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050023	HÀ THANH SON	10/08/2002	CCQ2005A			<i>Son</i>	7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050024	PHẠM NGUYỄN TIẾN SỸ	07/10/2002	CCQ2005A			<i>Sỹ</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050026	BÙI VĂN TÀI	05/01/2001	CCQ2005A			<i>Tài</i>	8,5	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9